

**CÔNG TY CỔ PHẦN VOVINAM KỸ THUẬT SỐ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VOVINAM KỸ THUẬT SỐ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VOVINAM DIGITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VOVINAM DIGITAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110688413

**3. Ngày thành lập:** 16/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 31, ngõ 58 phố Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934488471

Fax:

Email: [info@Vovinamdigital.vn](mailto:info@Vovinamdigital.vn)

Website: [www.Vovinamdigital.vn](http://www.Vovinamdigital.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                          | 8511        |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                         | 8512        |
| 3.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                         | 8521        |
| 4.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                  | 8522        |
| 5.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                              | 8523        |
| 6.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                             | 8551(Chính) |
| 7.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                               | 8552        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo tự vệ; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính. | 8559        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục;<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.              | 8560        |
| 10. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                | 9000        |
| 11. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                          | 9311        |
| 12. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                                                                                                                                                                                                     | 9312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động thể thao khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở;<br>- Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ v.v...;<br>- Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ;<br>- Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao | 9319 |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị; Bán lẻ trong các cửa hàng tiện lợi; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                                                          | 4719 |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5630 |
| 19. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5911 |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5912 |
| 21. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5913 |
| 22. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742 |
| 24. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761 |
| 25. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4763 |
| 26. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4764 |
| 27. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                              | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY<br>TNHH MỘT<br>THÀNH VIÊN<br>LIÊN ĐOÀN<br>VOVINAM<br>VIỆT NAM | Số 31, ngõ 58 phố<br>Thanh Bình,<br>Phường Mộ Lao,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 650.000       | 6.500.000.000            | 65,000       | 0110631047                                                                                                             |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Tổng số                            | 650.000       | 6.500.000.000            | 65,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LỮ THANH<br>XUÂN                                                      | Thôn 7, Xã Yên<br>Sở, Huyện Hoài<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 2,000        | 0400820003<br>68                                                                                                       |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                       |                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | BẠCH NGỌC CHIẾN | Số 31 ngõ 58 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 330.000 | 3.300.000.000 | 33,000 | 001071056157 |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Tổng số                   | 330.000 | 3.300.000.000 | 33,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BẠCH NGỌC CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001071056157

Ngày cấp: 07/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 333 TBD 42, khu Mộ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31 ngõ 58 phố Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội